

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên danh mục: Xe thang chứa cháy, cứu hộ (loại 52m trở lên)
- Tổng mức đầu tư: 260.020 triệu đồng;
- Số lượng : 08 xe;
- Đơn giá kê hoạch: 32.502,5 triệu đồng/xe.
- Nguồn vốn: Kinh phí Dự trữ quốc gia năm 2025;
- Chủ đầu tư: Cục Trang bị và kho vận, Bộ Công an.
- Bên mời thầu: Cục Trang bị và kho vận, Bộ Công an.

- Địa chỉ Bên mời thầu: Số 377-379 Lương Thế Vinh, Đại Mỗ, Hà Nội.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, không sơ tuyển.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 16 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa:

Theo quy định tại mục 15.1 - Chương I (Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan), Nhà thầu phải cung cấp tài liệu sau đây:

a. Đối với Xe thang chứa cháy, cứu hộ (loại 52m trở lên).

- Bảng liệt kê thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo quy định tại Chương V của E-HSMT (bản gốc có đóng dấu và ký xác nhận bởi đại diện hợp pháp của nhà thầu).

- Catalo, tài liệu kỹ thuật của Xe thang chứa cháy, cứu hộ (loại 52m trở lên) có xác nhận của nhà sản xuất Xe thang chứa cháy, cứu hộ (loại 52m trở lên) có xác nhận của nhà sản xuất Xe thang chứa cháy, cứu hộ (loại 52m trở lên) có xác nhận của nhà sản xuất Xe thang chứa cháy, cứu hộ (loại 52m trở lên) có liệt kê đầy đủ thông số kỹ thuật, xuất xứ của Xe thang chứa cháy, cứu hộ (loại 52m trở lên) và trang thiết bị kèm theo xe theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT. Bản vẽ kỹ thuật tổng quan của Xe thang chứa cháy, cứu hộ (loại 52m trở lên).

- b. Đối với xe cơ sở dùng sản xuất Xe thang chứa cháy, cứu hộ (loại 52m trở lên).**
- Bản gốc catalo, tài liệu kỹ thuật của xe cơ sở được xác nhận bởi nhà sản xuất

| STT | Nội dung | Thông số kỹ thuật đề xuất |
|-----|---|---------------------------|
| A | Xe thang chứa cháy, cứu hộ (loại 52m trở lên) | |
| I | Xuất xứ: - Xe thang chứa cháy, cứu hộ (loại 52m trở lên); Các nước thuộc nhóm G7 - Xe cơ sở: Các nước thuộc nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU) | |
| II | Yêu cầu kỹ thuật của xe | |
| I | Kích thước (mm) | |

dưới đây và lập bảng liệt kê thông số kỹ thuật chi tiết kèm theo:

Nhà thầu phải đáp ứng toàn bộ các thông số kỹ thuật bất buộc theo bảng

2.2 Yêu cầu kỹ thuật bắt buộc.

sang tiếng Việt.

- Các tài liệu bảng tiếng nước ngoài phải được dịch thuật, công chứng

theo yêu cầu thì E-HSDT không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT.

nhà thầu làm rõ theo quy định. Trường hợp nhà thầu không cung cấp bộ sung

- Trường hợp E-HSDT thiếu các tài liệu nêu trên, Chủ đầu tư sẽ yêu cầu

nêu thông số kỹ thuật làm cơ sở danh giá E-HSDT của Nhà thầu.

nêu tài các tài liệu hoặc xác định là không chấp nếu một trong các tài liệu không

Trường hợp Nhà thầu không làm rõ, Bên mời thầu sẽ sử dụng thông số thấp nhất

thông nhất giữa các tài liệu thì bên mời thầu sẽ đề nghị làm rõ theo quy định.

dùng kèm theo xe, bản vẽ kỹ thuật: trường hợp có thông số kỹ thuật không

của Xe thang chứa cháy, cứu hộ (loại 52m trở lên), xe cơ sở, các thiết bị chuyên

- Đối với các tài liệu kỹ thuật như bảng liệt kê thông số kỹ thuật, catalo

được tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì được danh giá là không đáp ứng.

ngày 04/7/2025 của Chính phủ. Trong trường hợp nhà thầu không cung cấp

định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 và Nghị định số 196/2025/NĐ-CP

nhà thầu hợp pháp hóa lãnh sự các tài liệu nước ngoài theo quy định tại Nghị

- Trong quá trình danh giá E-HSDT, nếu cần thiết Chủ đầu tư sẽ yêu cầu

d. Yêu cầu khác.

và của sản phẩm.

xuất, model thiết bị, thông số kỹ thuật, xuất xứ... đây đủ theo yêu cầu của E-HSMT

chứa cháy, cứu hộ (loại 52m trở lên), trong đó có các nội dung như Hàng sản

Bản gốc Catalo, tài liệu kỹ thuật của cơ xác nhận của nhà sản xuất Xe thang

đọc cách ly, Mây nạp không khí sạch.

thường, Bộ trộn bột CAFS di động, Bộ thiết bị cứu hộ cầm tay, Mát nà phòng

c. Đối với thiết bị chuyên dùng trên xe gồm: Bom chứa cháy, Bộ trộn bột

phanh, hệ thống lái...) đảm bảo đầy đủ thông số kỹ thuật mà E-HSMT yêu cầu.

lượng toàn bộ (trong đó có khối lượng toàn bộ theo thiết kế của xe cơ sở), hệ thống

xe cơ sở, model (mã kiểu loại) động cơ, công suất động cơ, công thực bánh xe, khối

Xe thang chứa cháy, cứu hộ (loại 52m trở lên) (trong đó có các nội dung như model

| STT | Nội dung | Thông số kỹ thuật đề xuất |
|-----|---|--|
| 1.1 | Chiều dài - D | $11.000 \leq D \leq 12.000$ |
| 1.2 | Chiều rộng - R | $2.300 \leq R \leq 2.500$ |
| 1.3 | Chiều cao - C | $3.500 \leq C \leq 4.000$ |
| 2 | Tổng tải trọng xe - G (kg) | $24.000 \leq G \leq 26.000$ |
| 3 | Màu xe | Đỏ (RAL 3000) |
| 4 | Cabin | Cabin đơn, ≥ 2 chỗ ngồi có trang bị dây an toàn theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất |
| 5 | Hệ thống lái | Tay lái bên trái, có trợ lực |
| 6 | Động cơ | |
| 6.1 | Công suất tối đa - P (kW) | $P \geq 260$ |
| 6.2 | Tiêu chuẩn khí thải | Euro 5 trở lên |
| 7 | Truyền động | 6x4 |
| 8 | Hệ thống phanh | Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, có hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) |
| 9 | Hệ thống điều hòa nhiệt độ, radio | - Điều hòa nhiệt độ: Có - Radio AM-FM: Có |
| III | Yêu cầu kỹ thuật hệ thống thang, gió thang, bàn trượt cứu hộ | |
| 1 | Hệ thống thang: Do nhà sản xuất xe thang sản xuất, lắp đặt động bộ với xe cơ sở | |
| 1.1 | Chiều cao từ mặt đất đến sàn gió thang - T (m) | $52m \leq T \leq 55m$ |
| 1.2 | Cầu trục thang | Thang gồm ≥ 6 đoạn, loại thang lồng xếp (kiểu Ladder truck) Điều khiển bằng thủy lực |
| 1.3 | Thời gian dưới hết thang | Thời gian dưới hết thang tới đa ≤ 65 giây (thang đạt độ cao T) |
| 1.4 | Góc nâng thang (theo mặt phẳng ngang) | từ $\leq 10^\circ$ đến $\geq 75^\circ$ |
| 1.5 | Góc quay của thang | 360° liên tục |
| 1.6 | Các tính năng vận hành của hệ thống thang | Thang bị thiết bị giới hạn hoạt động của thang theo độ mở của chân chống Thang bị hệ thống dừng thang tự động khi không đảm bảo đủ điều kiện cần bằng (thang qua tải hoặc thang sắp va vào chương ngại vật hoặc xe không an toàn) Thang bị van an toàn giữ thang không bị rơi bất ngờ khi hệ thống thủy lực gặp sự cố. Thang bị công tắc dừng khẩn cấp (dừng tất cả các hoạt động của thang, được lắp đặt tại trạm điều khiển chính và gió thang). Thang bị cảm biến đo tốc độ gió ở đỉnh thang. Thang bị hệ thống tự cân bằng cho xe khi sử dụng chân chống. Hệ thống đèn báo hiệu an toàn: có đèn tín hiệu của chân chống và thân xe, có đèn tín |

| | | |
|-----|----------|---|
| STT | Nội dung | <p>Thông số kỹ thuật để xuất hiệu ưu tiên và loa.</p> <p>Trang bị công tắc điều khiển chính lắp ở buồng điều khiển dưới chân thang và gió thang.</p> <p>Trang bị hệ thống điều chỉnh tốc độ tự động.</p> <p>Trang bị màn hình hiển thị vị trí thang tại 2 vị trí điều khiển là gió thang và buồng điều khiển dưới chân thang. Màn hình điều khiển ở buồng điều khiển chính dưới chân thang là màn hình màu và điều khiển cảm ứng, có chế độ hiển thị hình ảnh 2D hoặc 3D, chức năng ghi nhớ và lắp lại các chuyên động của thang. Buồng điều khiển chính dưới chân thang được bố trí cùng chiều với ghế phụ lái xe.</p> <p>Xe thang vẫn có thể hoạt động nếu không có màn hình</p> <p>Điều khiển thao tác nâng thang, hạ thang, quay thang, thu thang có thể thực hiện được tại 2 vị trí là gió thang và buồng điều khiển dưới chân thang. Vận hành thang và chần chong đồng thời chỉ thông qua 1 nút bấm.</p> <p>Trang bị thiết bị thông tin liên lạc giữa gió thang và buồng điều khiển chính.</p> <p>Trang bị các cảm biến sonar tại gió thang để phát hiện vật cản từ xa.</p> <p>Hệ thống tự động thu thang: Thang có thể được thu tự động về vị trí thu hoàn toàn bằng 1 nút ấn</p> <p>Trang bị hệ thống chong rung chủ động</p> <p>Trang bị hệ thống hoạt động ngang/dọc: Chỉ cần một thao tác là thang có thể di chuyển theo chiều ngang, dọc - tự động điều chỉnh góc thang và thu, dũi thang.</p> <p>Hệ thống điều khiển khẩn cấp: Sử dụng máy bơm thủy lực phụ. Có thể vận hành thang ngay cả khi động cơ không nổ máy</p> <p>Hệ thống khóa hệ thống treo: Chấn chong và lớp xe: tổng cộng có ≥ 8 điểm tiếp đất để hỗ trợ lực cho xe thang trên mặt đất. Lớp xe luôn chảm đất, vì vậy vẫn có thể dùng phanh tay của xe để phòng trường hợp trượt xe bị trượt.</p> <p>Trang bị 01 máy phát điện dự phòng với công suất liên tục ≥ 5 KVA</p> <p>Do nhà sản xuất xe thang lắp đặt đồng bộ,</p> |
|-----|----------|---|

| STT | Nội dung | Thông số kỹ thuật đề xuất |
|-----|------------------|--|
| 2 | Chân chống xe | Chân chống có thể điều chỉnh độc lập. Kết cấu chân chống dạng chữ H hoặc X. Hệ thống chân chống vận hành bằng thủy lực. Trang bị 01 màn hình điều khiển. |
| 3 | Bàn trượt cứu hộ | Tải trọng tối đa của bàn trượt $\geq 300\text{kg}$ Bàn trượt có thể di chuyển dọc theo thang chính |
| 4 | Giò thang | Tải trọng cho phép trên giò thang $\geq 270\text{kg}$ Giò thang được thiết kế đồng bộ, hoạt động tuyến tính với thang chính. Sau khi cần bằng, giò thang và thang luôn luôn cân bằng. Góc hoạt động của giò thang cứu hộ: Từ 40° đến 75° 02 cửa vào đặt phía trước giò thang, 01 cửa phụ ở phía sau để tiếp cận thang Được trang bị hệ thống điều khiển kiểm soát tất cả các chuyển động Hệ thống cảnh báo va chạm tự động hỗ trợ linh cửu hoá trong các tình huống nguy hiểm Công tác dùng khăn cấp dùng các chuyển động và khóa trong trạng hợp khăn cấp Hệ thống điều khiển giò thang gồm: - Màn hình LCD ở trung tâm (tính trạng hoạt động, đèn cảnh báo, khu vực hoạt động, điều khiển các chức năng trên màn hình cảm ứng) - Cần điều khiển nâng/hạ và quay thang (trái/phải) - Nút dùng khăn cấp với khóa - Hệ thống thông tin liên lạc giữa giò thang và trạm điều khiển chính thông qua microphone Trang bị 02 bộ dây đai an toàn gồm đai toàn thân và dây nôi, có móc hai đầu. |
| IV | Bom chữa cháy | |
| 1 | Loại | Bom ly tâm, hoạt động nhờ trích lực từ động cơ xe (PTO). Do nhà sản xuất xe thang lắp đặt đồng bộ với xe cơ sở và hệ thống thang. |
| 2 | Lưu lượng | Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7 $\geq 3.000\text{ lít/phút}$ tại áp suất tương ứng |

| STT | Nội dung | Thông số kỹ thuật đề xuất |
|-----|---|---|
| 3 | Vỏ bom | Chất liệu chống ăn mòn |
| 4 | Cánh quạt | Chất liệu chống ăn mòn |
| 5 | Trục bom | Thép không gỉ hoặc tương đương |
| 6 | Hông hút | ≥ 02 hông Ø100, kèm theo bộ lọc và nắp đáy, lắp đặt hai bên hông xe |
| 7 | Hông phun | ≥ 04 hông Ø65, kèm theo van khóa và tay điều khiển, lắp đặt hai bên hông xe |
| 8 | Lăng giá | Lăng giá lắp trên gió thang, lưu lượng ≥ 1.140 lít/phút |
| VI | Hệ thống đèn quay | |
| 1 | Trang bị hệ thống phát tín hiệu danh cho xe được quyền ưu tiên | Trang bị thiết bị phát tín hiệu danh cho xe chữa cháy. - Yêu cầu kỹ thuật của đèn phát tín hiệu ưu tiên: loại đèn kẹp, màu đỏ; công suất (W) 36÷280 - Yêu cầu kỹ thuật còi phát tín hiệu ưu tiên: Công suất ra (W) 100÷200; Chế độ còi ưu tiên WAIL |
| B | Các trang thiết bị đi kèm theo xe | ≥ 01 bộ |
| 1 | Bộ đàm cố định | ≥ 01 bộ |
| 2 | Bộ đàm cầm tay | ≥ 02 bộ |
| 3 | Đèn tìm kiếm ở góc thang | ≥ 01 chiếc |
| 4 | Đèn tìm kiếm trên gió nâng người | ≥ 01 chiếc |
| 5 | Đèn phía dưới gió thang | ≥ 02 chiếc |
| 6 | Đèn nhập nháy gắn đầu chấu chống | ≥ 04 chiếc |
| 7 | Đèn trên đỉnh thang | ≥ 02 chiếc |
| 8 | Thiết bị đo gió | ≥ 01 bộ |
| 9 | Vòi chữa cháy Ø65 x 20m | ≥ 10 cuộn |
| 10 | Vòi chữa cháy Ø50 x 20m | ≥ 12 cuộn |
| 11 | Đường ống cấp nước từ góc thang tới gió thang đường kính D65, chiều dài 30m | ≥ 02 cuộn |
| 12 | Ông hút Ø100 x 2m | ≥ 04 đoạn |
| 13 | Gió lọc rác Ø100 | ≥ 01 chiếc |
| 14 | Lăng A | ≥ 02 chiếc |
| 15 | Lăng B | ≥ 04 chiếc |
| 16 | Ba chạc | ≥ 01 chiếc |
| 17 | Hai chạc | ≥ 01 chiếc |
| 18 | Đầu nối hỗn hợp | ≥ 02 bộ 51/66; 02 bộ 51/77; 02 bộ 66/77 |
| 19 | Rìu cán dài | ≥ 01 chiếc |
| 20 | Búa tạ | ≥ 01 chiếc |
| 21 | Kìm công lực | ≥ 01 chiếc |
| 22 | Chân cứu hộ | ≥ 02 chiếc |
| 23 | Khóa vòi | ≥ 04 chiếc |
| 24 | Chèn bánh xe | ≥ 02 cái |
| 25 | Lốp dự phòng | ≥ 01 chiếc |

| STT | Nội dung | Thông số kỹ thuật đề xuất |
|-----|--|---|
| 26 | Bộ dùng cụ tiêu chuẩn xe cơ sở | ≥ 01 bộ |
| 27 | Thiết bị phá kính cường lực nhà cao tầng | ≥ 01 bộ |
| 28 | Bộ trộn bột thường | - Trang bị tối thiểu 01 bộ - Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU) - Gồm: + 01 Ejector hút bột, lưu lượng ≥ 400 lít/phút, Tỷ lệ trộn 1%-6% + Lãng phun hệ số nở trung bình, lưu lượng ≥ 400 lít/phút + Lãng phun hệ số nở thấp, lưu lượng ≥ 400 lít/phút |
| 29 | Bộ trộn bột CAFS di động | - Trang bị tối thiểu 01 bộ - Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU) - Yêu cầu kỹ thuật: + 02 bình khí ≥ 6 lít, áp suất bình khí ≥ 300 bar + Lưu lượng foam ≥ 1600 lít/phút + Tỷ lệ trộn: 0,5%-1% + Tỷ lệ giãn nở: bọt ướt -4, bọt khô -20 + 01 lạng phun hệ thống CAFS |
| 30 | Bộ thiết bị cứu hộ cầm tay | - Trang bị tối thiểu 01 bộ thiết bị cứu hộ kết hợp bánh, cắt cầm tay. Sử dụng động cơ điện dẫn động cơ cầu thủy lực hoặc động cơ điện dẫn động cơ cầu cơ khí chuyên dùng - Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU) - Lực cắt tối đa ≥ 700kN - Độ mở cắt tối đa ≥ 280mm - Lực bành tối đa ≥ 700kN - Độ mở bành tối đa ≥ 350 mm - Trang bị 02 pin và 01 bộ sạc pin theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất |
| 31 | Mặt nạ phòng độc cách ly | - Trang bị tối thiểu 03 bộ - Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU) - Một bộ gồm: + Bình khí 6,8 lít, áp suất 300bar + Mặt nạ thờ loại mặt nạ trùm kín mặt, có kính quan sát, có màng giao tiếp gần phía trong mặt nạ. Hệ thống thông tin liên lạc tích hợp mặt nạ + Bộ dây đeo chuyên dùng |

| STT | Nội dung | Thông số kỹ thuật để xuất |
|-----|---------------------------|---|
| | | + Van cấp khí |
| 32 | Máy nạp không khí sạch | - Trang bị tối thiểu 01 bộ - Xuất xứ: Các nước thuộc nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU) - Sử dụng động cơ đốt trong 4 kỳ hoặc động cơ điện, công suất tối đa $\geq 3KW$ - Áp suất làm việc tối đa $\geq 300bar$ - Trang bị thiết bị, hệ thống lọc không khí, hệ thống bộ sung độ ẩm không khí nạp vào bình khí nên theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. |
| 33 | Bộ phá dỡ da nạng cầm tay | Trang bị tối thiểu 01 bộ, gồm: - 01 riu cân ngấn - 01 cầu liềm - 01 xẻng - 01 xà beng - 01 riu không phát sinh tia lửa điện - 01 búa không phát sinh tia lửa điện - 01 cuốc chim không phát sinh tia lửa điện |

3. Các yêu cầu khác

3.1 Yêu cầu về bảo hành.

Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện hoặc ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (sau đây viết tắt là **nghĩa vụ bảo hành**) cho 08 Xe thang chứa cháy, cứu hộ (loại 52m trở lên) (bao gồm Xe thang chứa cháy, cứu hộ (loại 52m trở lên) (xe cơ sở và thiết bị chuyên dùng) thì phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a. Số lượng địa điểm bảo hành: Tối thiểu 06 địa điểm trở lên tại 03 miền Bắc, Trung, Nam (mỗi miền tối thiểu 02 địa điểm).

- Miền Bắc gồm các tỉnh từ Ninh Bình trở ra phía Bắc.

- Miền Trung gồm các tỉnh từ Thanh Hóa đến Lâm Đồng.

- Miền Nam từ Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh đổ vào phía Nam.

b. Thời gian bảo hành: Tối thiểu 36 tháng không giới hạn số kilomet, gồm:

+ Xe thang chứa cháy, cứu hộ (loại 52m trở lên).

+ Xe cơ sở.

+ Thiết bị chuyên dùng: Bom chứa cháy, Máy phát điện, Bộ trộn bột thường, Bộ trộn bột CAFS di động, Bộ thiết bị cứu hộ cầm tay, Mặt nạ phòng độc cách ly, Máy nạp không khí sạch

c. Yêu cầu về địa điểm bảo hành:

Các địa điểm, cơ sở bảo hành phải được Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô theo quy định tại Nghị định 116/2017/NĐ-CP ngày 17/10/2017 của Chính phủ.

d. Tài liệu chứng minh:

- Ban sao giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp trong đó loại phương tiện bảo hành, bảo dưỡng có tài liệu một trong các danh mục: xe ô tô tải/xơ ô tô sát xi tải/xơ ô tô sát xi có buồng lái. Không chấp nhận danh mục xe ô tô tải (pick up)/xe ô tô con/xơ ô tô tải (sử dụng động cơ xăng).

- Hợp đồng/văn bản liên kết/thỏa thuận nguyên tắc (bản gốc hoặc bản sao y công chứng) của Nhà thầu đối với các đơn vị, cơ sở bảo hành.

* Trường hợp nhà thầu có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp dịch vụ sau bán hàng (sau đây gọi tắt là dịch vụ bảo hành) nhưng không đủ số lượng địa điểm bảo hành thì nhà thầu có thể ký hợp đồng hoặc thỏa thuận nguyên tắc với các đơn vị, cơ sở có đủ khả năng thực hiện dịch vụ bảo hành để đảm bảo tài liệu 06 địa điểm bảo hành trở lên theo các yêu cầu nêu trên.

4. Yêu cầu về cam kết cung cấp phụ tùng thay thế và bảo dưỡng hàng hóa

- Nhà thầu cung cấp cam kết cung cấp phụ tùng thay thế (theo giá thị trường) sau khi hết thời gian bảo hành, đảm bảo tối thiểu 15 năm kể từ khi bàn giao hàng hóa cho Chủ đầu tư.

- Nhà thầu cung cấp cam kết thực hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng từng Xe thang chữa cháy, cứu hộ (loại 52m trở lên) mỗi năm một lần trong thời gian 36 tháng đầu đời với toàn bộ lô hàng 08 Xe thang chữa cháy, cứu hộ (loại 52m trở lên) (có xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng hoặc đại diện Khoa Lưu hàng của Chủ đầu tư).

Mục 2. Bản vẽ: Không có.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

1. Kiểm tra 01 Xe thang chữa cháy, cứu hộ (loại 52m trở lên) đầu tiên tại nơi sản xuất.

Sau khi nhà sản xuất hoàn thiện 01 Xe thang chữa cháy, cứu hộ (loại 52m trở lên) hoàn chỉnh đầu tiên có đầy đủ thiết bị; Nhà thầu có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư tổ chức đoàn kiểm tra, nghiệm thu kỹ thuật tại nước ngoài. Chủ đầu tư sẽ cử đoàn kiểm tra gồm 05 cán bộ chuyên môn để nghiệm thu, đánh giá sơ bộ 01 xe mẫu đầu tiên của hợp đồng so với các tiêu chuẩn kỹ thuật tại Hợp đồng, góp ý hoàn thiện sản phẩm nếu cần thiết để nhà sản xuất tiếp tục sản xuất hàng hóa. Thời gian kiểm tra trong vòng 10 ngày làm việc. Mọi chi phí kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa do Nhà thầu chịu.

2. Kiểm tra nghiệm thu cả lô hàng.

*** Kiểm tra tại nơi sản xuất:** Trong trường hợp Chủ đầu tư không tổ chức kiểm tra 01 Xe thang chứa cháy, cứu hộ (loại 52m trở lên) đầu tiên tại nơi sản xuất, trước khi Nhà thầu đưa toàn bộ lô hàng về Việt Nam (trường hợp Nhà thầu có đề xuất nhập trước từ 01 - 03 xe để làm các thủ tục đăng kiểm, kiểm định, Chủ đầu tư sẽ kiểm tra số xe còn lại), Chủ đầu tư sẽ cử 05 cán bộ chuyên môn kiểm tra số xe còn lại thuộc hợp đồng tại nơi sản xuất trong thời gian 10 ngày làm việc (toàn bộ chi phí do Nhà thầu chịu). Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp cho Chủ đầu tư giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất, các chứng từ liên quan đến hàng hóa, nhãn hiệu, model, số khung, số máy. Chủ đầu tư tiến hành kiểm tra theo hai bước:

+ Bước 1: Tiến hành kiểm tra mẫu son, ngoại quan; Kiểm tra tổng thể toàn bộ các phương tiện, thiết bị kèm theo xe, đảm bảo chất lượng, đúng model, xuất xứ và đủ về số lượng, đối chiếu các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của hợp đồng.

+ Bước 2: Vận hành, kiểm tra sự hoạt động đồng bộ của các thiết bị, hệ thống của toàn bộ số xe tại Nhà sản xuất; kiểm tra tình năng và yêu cầu kỹ thuật, nếu đạt sẽ lập biên bản kiểm tra và Nhà thầu làm các thủ tục đưa hàng về Việt Nam.

- Kiểm tra tại Việt Nam (các địa điểm bán giao hàng hóa): Chủ đầu tư tiến hành kiểm tra hồ sơ của lô hàng (hồ sơ nhập khẩu, tờ khai hải quan và giấy tờ có liên quan theo quy định của Hợp đồng) nếu đúng và đầy đủ như trong hợp đồng cùng với biên bản kiểm tra thử nghiệm tại nơi sản xuất (nếu có) sẽ tiến hành kiểm tra, nghiệm thu; các bước tiến hành kiểm tra hàng như kiểm tra tại nơi sản xuất (chọn ngẫu nhiên 02 xe để vận hành, kiểm tra tại mỗi địa điểm nghiệm thu, bàn giao hàng hóa).

Trong trường hợp Chủ đầu tư không tổ chức đoàn đi kiểm tra hàng hóa tại nơi sản xuất thì Nhà thầu tự tiến hành kiểm tra hàng hóa tại nơi sản xuất và có biên bản kiểm tra theo đúng trình tự nêu trên, đồng thời kinh phí tổ chức đoàn đi kiểm tra hàng hóa tại nước ngoài sẽ được trừ vào giá chào thầu theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính.